TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **403/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2018
Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Mai Thị T và anh La Văn S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Minh Tâm.

2. Ông Ngô Cao Lâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Bàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2018/TLST - HNGĐ, ngày 07/6/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/10/2018; quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 23/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: xóm Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh La Văn S, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai, chị Mai Thị T trình bày:

Chị và anh La Văn S đăng ký kết hôn ngày 24/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2006 khi con trai anh chị được hơn 01 tuổi thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S hay uống rượu và có hành vi xúc phạm, đánh đập chị, anh không hỗ trợ chị trong việc nuôi dạy con, không hoàn thành trách nhiệm của người chồng. Tuy nhiên anh chị vẫn chung sống với nhau đến khi con trai được 05 tuổi. Khi xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng khuyên

bảo anh chị nhiều lần nhưng không thành. Khoảng năm 2010 thì chị và con trai về sống tại Nghệ An, từ đó vợ chồng sống ly thân không liên lạc gì với nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn không thể hòa giải được, không thể tồn tại gia đình hạnh phúc nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh La Văn S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu La Chí T, sinh ngày 09/02/2004. hiện đang sống cùng chị và ông bà ngoại. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh La Văn S đến để giải quyết vụ án nhưng anh S đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Đ, huyện S. Tuy nhiên, anh S thường xuyên đi làm ăn xa, gia đình anh S vẫn sinh sống tại thôn L, xã Đ, huyện S; thỉnh thoảng anh S vẫn về thăm gia đình. Theo lời khai của bà Vương Thị M (là mẹ đẻ của anh S) thì anh S và chị T đăng ký kết hôn năm 2005 ở xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An là quê của chị T. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho anh chị theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị vẫn sinh sống và làm ăn trong miền Nam. Tuy nhiên, cuộc sống chung của anh chị thường mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S hay uống rượu, có đánh đập chị T. Khi vợ chồng anh S mâu thuẫn, gia đình bà có khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên xích mích. Anh chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì nhau khoảng 08 năm nay. Hiện nay, anh S vẫn đi làm ăn, thỉnh thoảng có về thăm gia đình và có liên lạc với bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể. Gia đình bà có nhận được giấy triệu tập của Tòa án và đã thông báo cho anh S biết nhưng anh S không về giải quyết được, anh có nói Tòa án cứ giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Mai Thị T được ly hôn với anh La Văn S; giao cháu La Chí T, sinh ngày 09/02/2004 cho chị Mai Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh La Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; chị Mai Thị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cung cấp của Công an xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thì anh La Văn S đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh S đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh S đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh S đã thông báo cho anh S nhưng anh S vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh La Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2010

nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị T là xử cho chị T được ly hôn với anh La Văn S.

[2] Về con chung: Chị Mai Thị T và anh La Văn S có 01 con chung là cháu La Chí T, sinh ngày 09/02/2004. Xét thấy, cháu còn nhỏ, hiện đang ở cùng chị T; anh S cũng không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu T cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Mai Thị T không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Mai Thị Tý phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị T được ly hôn với anh La Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu La Chí T, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2004 cho chị Mai Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh La Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Mai Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005945 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh La Văn S không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã Đ (S - Tuyên Quang);
- UBND xã Q (H - Nghệ An);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai